



BẮC NINH ĐẨY NHANH LỘ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

NGUYỄN SỸ *

1 - Từ những chủ trương lớn

Các Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, lần thứ IX, Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) của Đảng đề ra nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong đó đặc biệt coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, từng bước hình thành nông thôn mới văn minh, hiện đại.

Đối với tỉnh Bắc Ninh, xuất phát từ điều kiện của mình, tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn được đẩy mạnh từ năm 1996. Nghị quyết Đại hội 15 của Đảng bộ tỉnh (1997 - 2000) xác định: "Khai thác mọi nguồn lực, tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật để từng bước tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh sản xuất tiểu, thủ công nghiệp và xuất khẩu, phát triển kinh tế nhiều thành phần, tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế". Đến Đại hội 16 của Đảng bộ tỉnh (2001 - 2005), những nhiệm vụ của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn được thể hiện rõ hơn: "Đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tập trung phát triển các ngành công nghiệp có công nghệ cao trong các khu công nghiệp cùng với phát triển tiểu, thủ công nghiệp. Chuyển hẳn nền nông nghiệp

sản xuất hàng hóa, mở rộng và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ. Tăng trưởng kinh tế cao, chuyển mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2015, Bắc Ninh cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp".

Trên những cơ sở đó, Bắc Ninh hoạch định những chương trình hành động thích hợp, nhằm khơi dậy và phát huy những tiềm năng của địa phương, thực hiện tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

2 - Những biện pháp cụ thể và khả thi

a - Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa

Trong giai đoạn vừa qua, cơ cấu kinh tế của Bắc Ninh đã có sự chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ. Tỷ trọng của công nghiệp, xây dựng trong tổng GDP đã tăng mạnh: từ 23,8% (năm 1997) lên 35,6% (năm 2000) và 47,1% (năm 2005); tỷ trọng của các ngành nông, lâm, ngư nghiệp giảm: từ 45% (năm 1997) xuống còn 38% (năm 2000) và chỉ còn 25,7% (năm 2005). Bắt đầu từ năm 2001, tỷ trọng công nghiệp và xây dựng của tỉnh đã vượt qua tỷ trọng nông nghiệp.

* Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Bắc Ninh

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế bước đầu kéo theo sự chuyển dịch lao động và phân công lại lao động. Nếu năm 1996, số lao động trong khu vực nông, lâm, thủy sản chiếm 80,8%; khu vực công nghiệp, xây dựng chiếm 8,6%; khu vực dịch vụ chiếm 10,6%; thì tốc độ chuyển dịch tương ứng ngày càng tốt dần theo thời gian: năm 2000 là 80,2%, 12,5% và 7,3%; năm 2003 là 68,6%, 18,5% và 12,9%; và năm 2005 là 62,2%, 20,7%, 17,1%.

Với chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần, phát huy mạnh mẽ nội lực, tăng cường đầu tư chiều sâu, đổi mới chính sách thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đầu tư trên địa bàn, nên công nghiệp có bước phát triển đột phá làm tăng trưởng kinh tế của tỉnh ở mức cao, tạo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế mạnh mẽ. Tỷ trọng công nghiệp trong GDP gấp gần 2 lần so với tỷ trọng nông nghiệp, tạo đà cho kinh tế Bắc Ninh phát triển hơn nữa trong những năm tới. Sự phát triển công nghiệp ở các khu vực kinh tế trên (kể cả công nghiệp quốc doanh trung ương, địa phương và công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp nông thôn) đã tạo ra một số sản phẩm công nghiệp và các ngành hàng chủ yếu.

Bản thân ngành nông nghiệp cũng có sự chuyển dịch cơ cấu tích cực. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nội bộ ngành nông nghiệp bình quân giai đoạn 1997 - 2000 đạt 9,2% và giai đoạn 2001 - 2005 đạt 5,2%. Bắc Ninh tập trung đưa chăn nuôi thành ngành sản xuất chính, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 11,4% giai đoạn 1997 - 2000 và 11% giai đoạn 2001 - 2005. Tuy vậy, đến năm 2005, chăn nuôi cũng mới chỉ chiếm khoảng 37,2% trong cơ cấu nông nghiệp, sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp diễn ra chậm, ngành trồng trọt vẫn đóng vai trò chủ đạo.

b - Làm tốt công tác quy hoạch, thu hút đầu tư

Bắc Ninh hiện nay đã triển khai quy hoạch và đầu tư xây dựng 4 khu công nghiệp tập trung

là: Tiên Sơn (600 héc-ta), Quế Võ (636 héc-ta), Yên Phong (540 héc-ta), và Đại Đồng - Hoàn Sơn (285,3 héc-ta). Tính đến nay, 166 dự án được cấp giấy phép đầu tư, trong đó có 128 dự án vốn đầu tư trong nước với số vốn đăng ký 7.509,9 tỉ đồng (tương đương 440,1 triệu đô-la Mỹ) và 38 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng số vốn đăng ký 312,16 triệu đô-la Mỹ. Tỷ lệ lấp đầy bình quân chung các khu công nghiệp đạt khoảng 60% diện tích đất công nghiệp cho thuê. Có 55 dự án đi vào hoạt động, thu hút 9.142 lao động trong các khu công nghiệp tập trung (trong đó 70% số lao động là người địa phương). Ngoài ra, trên địa bàn có 10 dự án đầu tư từ vốn FDI là 157,673 triệu đô-la Mỹ. Đến nay, toàn tỉnh có 1.369 doanh nghiệp được cấp phép đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp với tổng số vốn điều lệ 3.194 tỉ đồng, chiếm 70% số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, ngoài ra còn gần 20 ngàn hộ sản xuất cá thể trong các làng nghề của địa phương.

Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn Bắc Ninh thời kỳ 2001 - 2005 tăng bình quân 26,9%: từ 774,3 tỉ đồng (năm 1996) lên 1.183,5 tỉ đồng (năm 2000) và 3.889,3 tỉ đồng (năm 2005), bằng 46,6% GDP. Về vốn trong nước, thu hút 1.061 doanh nghiệp, trong đó có 636 công ty trách nhiệm hữu hạn, 364 doanh nghiệp tư nhân và 79 công ty cổ phần với số vốn đăng ký 2.777 tỉ đồng. Năm 2005, có 44 dự án với số vốn FDI đăng ký trên 326 triệu đô-la Mỹ... Điều đáng chú ý là, nguồn vốn ngân sách nhà nước chiếm tỷ trọng lớn trong những năm trước đây, nay đã có xu hướng giảm dần, từ 44,8% (năm 2000) xuống còn khoảng 16,5% (năm 2005). Điều đó thêm chứng tỏ Bắc Ninh đã tạo dựng bước đầu môi trường đầu tư hấp dẫn đối với các doanh nghiệp.

Đồng thời, tỉnh ban hành nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn trong việc đầu tư kinh phí hỗ trợ các lĩnh vực: sản xuất giống cây trồng, con vật nuôi, kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn,

phát triển công nghiệp và dịch vụ, nước sạch và vệ sinh môi trường, sự nghiệp giáo dục đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ, xóa đói giảm nghèo... Những chủ trương trên đã được triển khai, phổ biến và tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, đã góp phần phát triển lực lượng sản xuất, chuyên dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, củng cố quan hệ sản xuất, thực hiện chính sách xã hội, xóa đói, giảm nghèo, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống của nhân dân khu vực nông thôn của tỉnh.

c - Lựa chọn bước đi thích hợp

Một là, coi phát triển khu công nghiệp tập trung; khu, cụm công nghiệp làng nghề, đa nghề là **khâu đột phá**.

Thực tế cho thấy, một tỉnh thuần nông, sản xuất nhỏ, kỹ thuật lạc hậu, công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp manh mún, nếu không tập trung phát triển công nghiệp, khu công nghiệp tập trung, cụm công nghiệp làng nghề, không thể thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Bởi vì, nguồn thu ngân sách hằng năm từ nông nghiệp rất nhỏ bé, bình quân diện tích đất canh tác chỉ có 530 m²/người, do đó, vấn đề giải quyết việc làm, tăng thu nhập, đổi mới kinh tế nông thôn, nông nghiệp của tỉnh sẽ gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, các làng nghề truyền thống nếu không được đầu tư phát triển theo quy hoạch thì một số nghề sẽ bị mai một, môi trường tiếp tục bị ô nhiễm, sản phẩm hàng hóa không có thị trường.

Vì vậy, Bắc Ninh xác định chủ trương phát triển các khu công nghiệp tập trung, cụm công nghiệp vừa và nhỏ, làng nghề là một giải pháp đột phá để thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội 16 và 17 của Đảng bộ tỉnh: "Phấn đấu đến năm 2015 cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp". Nhờ đó, tỷ trọng công nghiệp, xây dựng trong GDP đã tăng dần từng năm và vượt tỷ trọng ngành nông nghiệp. Nếu những năm đầu tái lập tỉnh, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân các năm 1997 - 2000 chỉ đạt 12,65%, nhưng sau đó,

do phát triển mạnh khu công nghiệp tập trung, khu cụm công nghiệp làng nghề, tốc độ tăng trưởng 5 năm tiếp theo (2001 - 2005) đạt 13,9%, trở thành tỉnh xếp thứ hai trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (sau Vĩnh Phúc đạt 15,3%). Huyện Từ Sơn đã có tỉ trọng công nghiệp trong GDP chiếm 65,8% - cao nhất trong tỉnh - do phát triển mạnh khu công nghiệp tập trung, cụm công nghiệp làng nghề và dịch vụ.

Hai là, xây dựng quy hoạch nông nghiệp, nông thôn toàn diện và có tính chiến lược phải nằm trong quy hoạch tổng thể của tỉnh; trong đó, quy hoạch không gian, quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phải đi trước một bước và là quy hoạch có tính bắt buộc.

Quy hoạch phải đi trước một bước và được thực hiện, quản lý chặt chẽ; kịp thời điều chỉnh, bổ sung sao cho phù hợp với tình hình thực tế và xu hướng phát triển chung của đất nước, của vùng và lợi thế so sánh của địa phương. Đồng thời cần kịp thời bổ sung, chỉnh sửa quy hoạch và ban hành một số chính sách, quy định của địa phương hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn như trong các lĩnh vực giống cây trồng, vật nuôi, thủy lợi, ứng dụng khoa học - công nghệ, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, chương trình xóa đói, giảm nghèo... để đạt được mục tiêu toàn diện, vững chắc.

Ba là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn theo hướng **phát triển toàn diện, sản phẩm hàng hóa nhiều về số lượng, tốt về chất lượng, gắn với lợi thế từng vùng và gắn với thị trường là khâu động lực**.

Kinh tế nông nghiệp, nông thôn Bắc Ninh đã và đang chuyển dịch theo hướng đa dạng hóa sản phẩm: cây trồng vật nuôi có hiệu quả kinh tế đã thay thế các loại giống cũ chất lượng và hiệu quả thấp, cơ cấu mùa vụ, tập quán canh tác cũng đã có sự thay đổi. Bắc Ninh hình thành một số vùng tập trung chuyên sản xuất giống

lúa lai, lúa thơm, rau quả xuất khẩu, sản xuất cá, gia cầm, thịt lợn hướng nạc, góp phần tăng thu nhập cho người lao động, khai thác có hiệu quả đất đai và bước đầu hình thành các thị trường tiêu thụ nông sản hàng hóa.

Toàn tỉnh xây dựng 13 vùng lúa hàng hóa tập trung với quy mô mỗi vùng từ 50 đến 100 héc-ta, đạt hiệu quả kinh tế gấp 1,5 đến 2 lần lúa thường. Cùng với đó là 24 vùng sản xuất khoai tây, 26 vùng sản xuất rau xuất khẩu và một số vùng sản xuất hoa, cây cảnh. Điển hình là vùng lúa tám xoan ở Quế Võ (gần 200 héc-ta); vùng lúa nếp ở Từ Sơn (150 héc-ta); vùng hoa, rau ven thị xã Bắc Ninh, Việt Hùng, Đào Viên (Quế Võ); vùng cá có quy mô trên 100 héc-ta ở Bình Dương, Nhân Thắng (Gia Bình), An Thịnh, Phú Hòa, Trùng Xá (Luông Tài); vùng bò sữa ở Cảnh Hưng, Tri Phương (Tiên Du); vùng sản xuất khoai tây thương phẩm ở Việt Hùng, Quế Tân (Quế Võ) với gần 2.000 héc-ta; vùng sản xuất giống đậu tương đông ở huyện Gia Bình; vùng cà chua ở Yên Phong. Những vùng sản xuất trên bước đầu đã đem lại giá trị sản xuất và hiệu quả kinh tế cao.

Các chủ trương, chính sách của tỉnh là một trong những tác động rất lớn đến sự phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp nông thôn, thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở Bắc Ninh.

3 - Những nhiệm vụ sắp tới

a - Làm tốt hơn nữa công tác quy hoạch, đẩy mạnh thu hút đầu tư

Thời gian tới, Bắc Ninh tập trung giải quyết tình trạng đất giao chậm được khai thác sử dụng có hiệu quả, đồng thời lựa chọn các dự án đầu tư để trong những năm tới đảm bảo cho sự tăng trưởng bền vững. Các dự án phải có công nghệ cao, bảo vệ môi trường sinh thái, sản phẩm đáp ứng được yêu cầu của thị trường, giải quyết lao động địa phương. Đồng thời khắc phục tình trạng ít vùng sản xuất hàng hóa tập trung có chất lượng phục vụ cho chế biến và xuất khẩu. Thu hút các ngành công nghiệp có

thể mạnh về sử dụng lao động, nguyên liệu tại chỗ như dệt may, da giày, đồ gia dụng; công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Về chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp, Bắc Ninh sẽ khắc phục tính tự phát, theo phong trào, thiếu quy hoạch và hướng dẫn chặt chẽ, cả trong sản xuất nông nghiệp. Cùng với đó, việc nâng cao trình độ khoa học - công nghệ trong nhiều lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp cũng sẽ được quan tâm hơn, nâng tỷ trọng chăn nuôi lên hơn nữa, đồng thời cải thiện giá trị thu được trên một đơn vị diện tích đất canh tác, hướng tới mục tiêu đạt 50 - 55 triệu đồng/héc-ta.

Trong những năm 1997 - 2005 công nghiệp nông thôn Bắc Ninh đạt được tốc độ phát triển cao (18,88%), nhất là những năm 2001 - 2005 đạt tốc độ 20% - 21% (tốc độ tăng trưởng công nghiệp chung của tỉnh là 26,1%/năm), nhưng cũng chỉ đứng ở vị trí thứ 2 sau vùng đồng bằng sông Hồng. Rõ ràng, với một tỉnh có lợi thế vị trí, điều kiện tự nhiên, xã hội, nhất là có nhiều làng nghề truyền thống, nếu tốc độ tăng trưởng công nghiệp nông thôn chỉ đạt mức cao hơn con số bình quân của cả nước một chút ít thì nguy cơ tụt hậu thành nhân tiên, nếu như không có bước đột phá về phát triển công nghiệp nông thôn - một nội dung quan trọng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Do đó, sự phát triển của các làng nghề phi nông nghiệp tiếp tục là hướng đi đúng đắn của sự phân công lao động tại chỗ, giải quyết việc làm, tăng thu nhập của dân cư nông thôn. Vấn đề cần quan tâm của khu vực này là, quy hoạch mặt bằng sản xuất, kinh doanh và quy định các yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh của hộ gia đình, hạn chế đến mức thấp nhất tiếng ồn, các loại chất thải gây ảnh hưởng sức khỏe cho cộng đồng dân cư và gây thiệt hại cho trồng trọt, chăn nuôi.

b - Đẩy mạnh đào tạo nghề

Chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh chưa theo kịp yêu cầu của tiến trình công nghiệp

hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Điểm đáng chú ý là, phần lớn lao động nông thôn hiện nay chưa đào tạo cơ bản, chủ yếu là qua truyền nghề. Ở Bắc Ninh có 6 trường và trung tâm dạy nghề, mỗi năm đào tạo học sinh ra trường từ 500 - 600 người, dạy nghề theo hình thức kèm cặp 3.000 lao động/năm, dạy nghề theo hình thức bồi dưỡng 4 đến 5 nghìn người/năm. Tình trạng đó chưa đáp ứng được yêu cầu lao động phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong điều kiện hiện nay.

Hướng ra cho vấn đề này là, liên kết đào tạo nghề với các cơ sở đào tạo ở các trung tâm kinh tế lớn, chủ động nâng cao hiệu quả và số lượng đào tạo của các cơ sở trong tỉnh, bằng cách mời các chuyên gia đến để truyền thụ và chuyển giao. Đồng thời, một hướng không kém phần quan trọng là cần quan tâm cơ chế đãi ngộ với người lao động. Phải tận dụng lợi thế gần các trung tâm phát triển, thuận lợi cho đi lại, chế độ đãi ngộ hợp lý của các doanh nghiệp được coi là biện pháp hiệu quả thu hút lao động cho tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

c - Thực hiện tốt chính sách xã hội

Đẩy nhanh tốc độ xóa đói, giảm nghèo. Khắc phục quá trình xây dựng các khu công nghiệp, khu dân cư, đô thị không có sự kết hợp giữa quy hoạch chuyển đổi đất nông nghiệp thành đất chuyên dùng với sử dụng lao động tại chỗ, tạo việc làm mới và chuyển nghề cho nông dân, dẫn đến nguy cơ làm tăng tình trạng thiếu việc làm đối với nông dân đã diễn ra những năm qua và tiếp tục vào những năm tới (từ năm 1998 đến nay đất nông nghiệp chuyển sang đất chuyên dùng gần 3.000 héc-ta và đang tiếp tục tăng). Mặt khác, tiếp tục thu hẹp khoảng cách thu nhập giữa nông thôn và thành thị mà hiện nay vẫn đang có sự chênh lệch lớn. Phân bố lại tư liệu sản xuất giữa nhóm hộ giàu so với nhóm hộ nghèo (nhiều nơi chênh lệch gấp 10 lần). Hạ tỷ lệ nghèo xuống dưới 3,5% (nếu áp dụng chuẩn nghèo mới: 200.000 đồng/người/tháng, tỷ lệ nghèo nông thôn lên đến 20%). Khắc phục sự bất cập trong việc thực hiện chủ trương xã

hội hóa y tế, giáo dục nhằm làm cho đời sống của bộ phận dân cư nông thôn ngày càng được cải thiện hơn.

Trước mắt, phát huy kết quả của công tác *xóa đói, giảm nghèo*. Cụ thể là, giảm nhanh tỷ lệ nghèo từ 10,2% (năm 2000) xuống còn 3,5% (tương đương 15,21% theo chuẩn năm 2005). Nhờ sản xuất phát triển, nông thôn Bắc Ninh đã được đổi mới, đời sống nông dân ở phần lớn các vùng nông thôn được cải thiện rõ rệt, thu nhập bình quân tăng từ 3,5 triệu đồng/người (năm 2000) lên 7,5 triệu đồng/người (năm 2005). Tỷ lệ nghèo ở nông thôn từ 9,8% năm 1996 giảm xuống còn 3,5% năm 2005 (tiêu chí mới là 15,21%). Để giải quyết thật cơ bản tình trạng đói nghèo, Bắc Ninh tập trung thực hiện tốt tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, tạo ra nhiều việc làm, tiếp cận với kiến thức và cơ hội làm ăn cho mọi đối tượng, dưới sự điều tiết của các cấp chính quyền.

Về giải quyết việc làm, bình quân 5 năm qua, Bắc Ninh đã giải quyết được việc làm cho 14 nghìn lao động/năm, vượt 16,7% so mục tiêu đề ra. Năm 2005, có 18 nghìn lao động có thêm việc làm và việc làm mới. Tiếp tục hạ thấp tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị từ 4,9% (năm 2003) xuống còn 4,23% (năm 2004) và dưới 4% vào năm 2006 và những năm tiếp theo. Nâng hệ số sử dụng thời gian lao động của khu vực nông thôn từ 70,8% (năm 2000) lên 81,38% (năm 2005) và gần 85% vào năm 2006. Công tác xuất khẩu lao động có cố gắng, hằng năm xuất khẩu lao động từ 2.000 đến 2.500 người.

Tạo ra nhiều việc làm vừa đáp ứng nhu cầu nhân lực của tỉnh trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đồng thời mở ra cơ hội cải thiện cuộc sống cho người dân. Đây là những vấn đề cần tiếp tục quan tâm giải quyết trong những năm tới của Đảng bộ và nhân dân Bắc Ninh. □